

QUYẾT ĐỊNH GIÁM ĐỐC THẨM SỐ 03/2006/KDTM-GĐT
NGÀY 05-4-2006 VỀ VỤ ÁN “TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG
HỢP TÁC THĂM DÒ, KHAI THÁC, KINH DOANH ĐÁ PUZZOLAN”

HỢP ĐỒNG THĂM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

...

Ngày 05 tháng 4 năm 2006, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao, đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng hợp tác thăm dò khai thác, kinh doanh đá Puzzolan giữa :

Nguyên đơn : Công ty cổ phần khoáng sản Minh Tiến; có trụ sở tại 99 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn : Công ty khoáng sản Vinaconex; có trụ sở tại 75 Lê Hồng Phong, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN THẤY

Ngày 26-6-1997 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ Minh Tiến (nay là Công ty cổ phần khoáng sản Minh Tiến, sau đây gọi tắt là công ty Minh Tiến) và Công ty khoáng sản tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (nay là Công ty khoáng sản Vinaconex thuộc Tổng công ty xuất nhập khẩu xây dựng Vinaconex-Bộ xây dựng, sau đây gọi tắt là Công ty khoáng sản) đã cùng nhau ký kết hợp đồng nguyên tắc số 10B/HĐKT với nội dung : Hai bên hợp tác góp vốn thăm dò, xin giấy phép, thiết kế, khai thác, sản xuất và kinh doanh đá Puzzolan tại khu vực mỏ Núi Thơm, xã Long Tân, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong đó bên Công ty khoáng sản đóng góp mỏ, làm các thủ tục trình duyệt và xin giấy phép khai thác mỏ bằng tiền vốn của Công ty Minh Tiến, chịu trách nhiệm tư cách pháp nhân trong việc khai thác mỏ và ký hợp đồng bán sản phẩm, còn Công ty Minh Tiến chịu trách nhiệm đầu tư toàn bộ vốn bằng tiền hoặc hiện vật cho các công việc thăm dò, xin giấy phép, làm thủ tục cấp quyền khai thác, lập luận chứng kinh tế – kỹ thuật đến đền bù, giải tỏa, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị v.v...

Ngày 20-6-1998 Bộ Công nghiệp cấp giấy phép số 1220/QĐ-ĐCKS CHO Công ty khoáng sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được phép khai thác mỏ đá Puzzolan trong thời hạn 20 năm.

Ngày 27-1-1999 hai bên ký kết hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/98 quy định chi tiết quyền và nghĩa vụ của các bên về khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản ở mỏ Núi Thơm; lợi nhuận được chia theo tỷ lệ : Công ty khoáng sản 14% và Công ty Minh Tiến

86%. Thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký, thời gian đầu hai bên cùng nhau đi đo đất, đếm cây, lên kế hoạch đền bù, giải tỏa để tiến hành khai thác.

Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Quyết định số 7216/QĐ-UB ngày 23/12/1999 phê duyệt kinh phí đền bù là: 1.911.401.043 đồng, ngày 3/4/2000 Công ty khoáng sản có công văn số 35/CVKS yêu cầu Công ty Minh Tiến chuyển vào tài khoản của Công ty khoáng sản toàn bộ số tiền đền bù trước ngày 10/04/2000, nhưng Công ty Minh Tiến không thực hiện. Trong thời gian này, Công ty Minh Tiến cùng 4 công ty khác có đơn khiếu nại và kiến nghị gửi Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Tỉnh ủy và các ban ngành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho rằng hợp tác với Công ty khoáng sản là không bình đẳng và bất công, đề nghị xét cấp lại giấy phép khai thác mỏ cho mình là doanh nghiệp đã đầu tư vốn.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tổ chức nhiều cuộc họp để giải quyết những vướng mắc, tranh chấp nhưng không giải quyết được và có công văn số 2620/UB-VP ngày 04/8/2000 gửi Công ty Minh Tiến đề nghị liên hệ với Tòa án để giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế theo thẩm quyền.

Ngày 07/8/2000 Công ty khoáng sản có công văn số 121/CV-KS gửi Công ty Minh Tiến thông báo chấm dứt hợp đồng kinh tế đã ký và xử lý vi phạm hợp đồng kinh tế; đồng thời đã tự đền bù, giải tỏa mặt bằng, xây dựng cơ sở vật chất và đã đi vào sản xuất ổn định.

Ngày 12/1/2001, Công ty Minh Tiến có đơn khởi kiện đối với Công ty khoáng sản gửi tới Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với yêu cầu buộc Công ty khoáng sản phải thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký.

Tại bản án kinh tế sơ thẩm số 01/KTST ngày 25/07/2001 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Minh Tiến.
- Hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/98 ngày 27/1/1999 vẫn còn hiệu lực, các bên phải nghiêm chỉnh thi hành.

- Công ty Minh Tiến được tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/98 thông qua các công việc cụ thể như:

Chi trả tiền đền bù giải tỏa đã được phê duyệt; Đầu tư vốn và cơ sở vật chất mua sắm, lắp đặt máy móc, thiết bị để trực tiếp khai thác mỏ và kinh doanh sản phẩm đá Puzzolan tại mỏ Núi Thơm, tỷ lệ phân chia sản phẩm theo nội dung hợp đồng.

- Giành cho Công ty Minh Tiến được quyền khởi kiện vụ án khác về thiệt hại vật chất do không khai thác kinh doanh sản phẩm từ tháng 8/2000 cho đến nay.

- Công ty khoáng sản phải nộp án phí kinh tế sơ thẩm 500.000 đồng.

Ngày 01/8/2001 Công ty khoáng sản có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án kinh tế sơ thẩm.

Tại bản án kinh tế phúc thẩm số 44/PTKT ngày 27/9/2001 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Y án sơ thẩm.

- Sau khi vụ án được xét xử phúc thẩm, Công ty khoáng sản có đơn khiếu nại, đề nghị xem xét lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Kháng nghị số 05/2002/TK-KT ngày 05/6/2002 đối với bản án kinh tế phúc thẩm số 44/PTKT ngày 27/9/2001 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nhận định: hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/98 ngày 27/01/1999 giữa Công ty khoáng sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Công ty Minh Tiến là hợp đồng hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế giữa các bên đã xảy ra tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm quyết định Công ty Minh Tiến được tiếp tục thực hiện hợp đồng thông qua các công việc cụ thể như: Chi trả tiền đền bù, đầu tư vốn và cơ sở vật chất mua sắm lắp đặt máy móc, thiết bị để trực tiếp khai thác mỏ và kinh doanh sản phẩm đá là không phù hợp với thực tế khách quan, bởi lẽ những công việc này Công ty khoáng sản đã thực hiện. Đáng lẽ ra, trong trường hợp cụ thể này Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cần yêu cầu Công ty Minh Tiến làm rõ nội dung đơn kiện; nếu Công ty Minh Tiến chỉ yêu cầu phải thực hiện hợp đồng kinh tế thì yêu cầu này không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Nếu Công ty Minh Tiến yêu cầu Tòa án buộc Công ty khoáng sản phải bồi thường thiệt hại hoặc phải phạt vì đã đơn phương đình chỉ hợp đồng trái pháp luật thì phải bị xử lý theo quy định của pháp luật; trong trường hợp này cần hướng dẫn Công ty Minh Tiến phải có các yêu cầu cụ thể, cung cấp chứng cứ cho việc bảo vệ các yêu cầu của mình và trên cơ sở đó Tòa án mới giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì vấn đề nêu trên chưa được làm rõ, song Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử, do đó, đã ra quyết định không phù hợp với thực tế khách quan. Đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Tại kết luận số 19/KL-AKT ngày 6/8/2002 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hủy bản án kinh tế sơ thẩm và phúc thẩm về vụ án này. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 12/UBTP-KT ngày 16/9/2002 Ủy ban Thẩm phán – Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định hủy bản án số 01/KTST ngày 24/7/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và bản án số 44/KTPT ngày 27/9/2001 của Tòa phúc

thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sơ thẩm lần 2).

Yêu cầu cụ thể của nguyên đơn và bị đơn như sau:

* Phía Công ty Minh Tiến cho rằng: Công ty khoáng sản Vinaconex đã vi phạm cam kết trong hợp đồng vì đã đơn phương chấm dứt hợp đồng, nay yêu cầu Công ty khoáng sản Vinaconex phải bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm Hợp đồng. Cụ thể:

Đòi bồi thường thiệt hại gồm:

- Đầu tư thăm dò và xin giấy phép khai thác	:	112.805.000đ
- Chi phí đo vẽ bản đồ 1/2000	:	8.525.143đ
- Chi phí đo vẽ bản đồ 1/1000	:	18.167.298đ
- Chi phí thiết kế mỏ	:	54.545.455đ
- Chi phí đo, đếm cây	:	35.750.000đ
Tổng cộng đòi bồi thường thiệt hại là	:	230.492.896đ

Đòi phạt vi phạm hợp đồng kinh tế (theo thiết kế kỹ thuật mỏ được phê duyệt khai thác trong 20 năm) cách tính như sau:

- Trữ lượng quặng đợt I là: 6.000.000 tấn (tính theo Dự toán thiết kế kỹ thuật mỏ trong 20 năm), đơn giá 26.000đ/tấn (đây là giá bán theo hợp đồng kinh tế giữa Công ty khoáng sản đã ký với Công ty Sao Mai ngày 08/01/1997), thành tiền là: 156.000.000.000đ, trừ thuế tài nguyên là 61.818.000.000đ, doanh thu còn lại là: 94.182.000.000đ. Theo hợp đồng kinh tế, phần Công ty Minh Tiến được hưởng là 86% doanh thu = 80.996.520.000đ.

Yêu cầu phạt Công ty khoáng sản 12% phần hợp đồng kinh tế bị vi phạm là: 80.996.520.000đ x 12% = 9.719.582.400đ.

Tổng cộng cả hai khoản đòi bồi thường thiệt hại và vi phạm hợp đồng kinh tế là: 9.950.375.296 đồng.

*** Phía Công ty khoáng sản cho rằng:**

theo quy định của luật khoáng sản thì trong thời hạn 6 tháng, kể từ khi có giấy phép khai thác mỏ, phải triển khai các bước cần thiết để đưa vào khai thác. Nhưng Công ty Minh Tiến không thực hiện cam kết trong hợp đồng mà cố tình trì hoãn, không kịp thời chuyển tiền để chi phí xin giấy phép khai thác, mà phải gần 3 năm sau Công ty Minh Tiến mới chuyển tiền chi phí xin giấy phép cho Công ty khoáng sản. Khi có Quyết định đền bù thì Công ty Minh Tiến cố tình kéo dài không thực hiện, còn liên tục gửi đơn và kích động các đối tác khác của Công ty khoáng sản gửi đơn khiếu nại Công ty khoáng sản đến các Ban ngành chức năng của tỉnh và Trung ương, đòi cấp lại giấy phép khai thác mỏ cho Công ty Minh Tiến, với một đối tác như vậy và phải đảm bảo việc khai thác, sản xuất kịp thời để

cung cấp sản phẩm cho các hợp đồng kinh tế bán sản phẩm của Công ty, nên Công ty khoáng sản đã phải tự bỏ tiền ra 1.911.401.034 đồng đền bù cho dân theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đồng thời buộc phải thông báo chấm dứt hợp đồng kinh tế đã ký với Công ty Minh Tiến.

Công ty khoáng sản chỉ chấp nhận trả lại số tiền của Công ty Minh Tiến đã đầu tư theo biên bản đối chiếu giữa hai bên vào ngày 15/03/2000 là: 121.330.1430đ nhưng Công ty Minh Tiến đã vi phạm hợp đồng kinh tế nên yêu cầu Công ty Minh Tiến phải bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng như sau:

+ Đòi bồi thường thiệt hại gồm:

- Thiệt hại về kinh tế và ngân sách Nhà nước: $40.000\text{đ}/\text{tấn} \times 300.000\text{đ} \text{ tấn}/\text{năm} \times 14\% \times 2 \text{ năm} = 3.360.000.000\text{đ}$.

- Chi phí khắc phục hậu quả: 1.026.227.163đ

- Thiệt hại về uy tín thương mại: 10.000.000.000đ

+ Đòi phạt vi phạm hợp đồng = 12% theo cách tính như sau:

$40.000\text{đ}/\text{tấn} \times 300.000 \text{ tấn}/\text{năm} \times 20 \text{ năm} \times 14\% \text{ doanh thu} \times 12\% = 4.032.000.000\text{đ}$

Tổng cộng các khoản là: 18.418.227.163đ

Tại bản án kinh tế sơ thẩm (lần 2) số 04/KTST ngày 30/10/2003 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty Minh Tiến, buộc Công ty khoáng sản phải trả cho Công ty Minh Tiến các khoản sau:

- Bồi thường thiệt hại: 228.055.896đ

- Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế (phạt theo tỷ lệ phần trăm Công ty Minh Tiến hưởng 86% doanh thu của hợp đồng): 2.429.895.600đ.

Tổng cộng hai khoản là: 2.657.951.496đ

Ngày 04/11/2003, Công ty Minh Tiến kháng cáo yêu cầu phạt Công ty khoáng sản 12% phần hợp đồng kinh tế bị vi phạm.

Ngày 07/11/2003 Công ty khoáng sản có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại bản án kinh tế phúc thẩm số 13/KTPT ngày 15/4/2004 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/KTST ngày 30/10/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với lý do chưa điều tra, thu thập đầy đủ chứng cứ để xác định giá trị hợp đồng kinh tế, trên cơ sở đó tính toán mức tiền phạt đối với Công ty khoáng sản Vinaconex. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm lại.

Quá trình giải quyết sơ thẩm lần thứ 3:

Tại bản án kinh tế sơ thẩm số 02/KTST ngày 27/12/2004 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

- Chấm dứt hợp đồng kinh tế số 10B ngày 26/6/1997 và hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT ngày 27/01/1999 ký giữa Công ty khoáng sản với Công ty Minh Tiến.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty Minh Tiến, buộc Công ty khoáng sản trả cho Công ty Minh Tiến số tiền: 2.928.522.896đ theo cách tính như sau:

- Tổng giá trị hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT là (trữ lượng x đơn giá) 6.000.000 tấn x 27.500đ = 165.000.000.000đ

- Trừ 4% thuế tài nguyên: 6.600.000.000đ, giá trị hợp đồng còn: 158.400.000.000đ.

- Phần giá trị hợp đồng của Công ty Minh Tiến theo sự phân chia được hưởng 86% doanh thu: 158.400.000.000đ x 86% = 136.224.000.000đ

- Phạt vi phạm hợp đồng 2% đối với Công ty khoáng sản là: 136.224.000.000đ x 2% = 2.724.480.000đ.

Tổng cộng tiền bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng là: 204.042.896đ + 2.724.480.000đ = 2.928.522.896đ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2005 Công ty Minh Tiến và Công ty khoáng sản đều có đơn kháng cáo.

Tại bản án kinh tế phúc thẩm số 44/KTPT ngày 09/6/2005 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Chấm dứt hợp đồng kinh tế số 10B ngày 26/6/1997 và hợp đồng kinh tế số 02 ngày 27/01/1999 ký giữa Công ty khoáng sản với Công ty Minh Tiến.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty Minh Tiến, nâng mức phạt vi phạm hợp đồng lên 3%: buộc Công ty khoáng sản trả cho Công ty Minh Tiến số tiền: 4.290.762.896 đồng.

Sau khi vụ án được xét xử phúc thẩm, Công ty khoáng sản Vinaconex có nhiều đơn khiếu nại, đề nghị xem xét lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại kháng nghị số 11/QĐ/KNGĐT-V12 ngày 25/11/2005 đối với bản án kinh doanh phúc thẩm số 44/KTPT ngày 09/6/2005 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận định: Sau khi hai bên ký kết hợp đồng nguyên tắc số 10B ngày 26/6/1997 và hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT ngày 27/01/1999, do Công ty Minh Tiến đã chậm trễ không thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng là phải kịp thời chuyển tiền để chi phí cho việc thăm dò, xin giấy phép khai thác do Công ty khoáng sản đứng tên pháp nhân. Tại hợp đồng nguyên tắc số 10B đã quy định rõ trách nhiệm của Công ty Minh Tiến về việc chi phí cho các khoản nêu trên. Ngày 20/6/1998, Công ty khoáng sản được cấp giấy phép khai thác mỏ thì đến ngày 10/09/1998,

Công ty Minh Tiến mới chuyển tiền do đặc bản đồ địa chính và ngày 13/03/2000 Công ty Minh Tiến mới chuyển các khoản chi phí để xin phép thăm dò, lập báo cáo thăm dò, báo cáo môi trường, dự án đầu tư và xin phép khai thác.

Như vậy, Công ty Minh Tiến đã có những vi phạm hợp đồng nhưng Công ty khoáng sản vẫn hợp tác và nhận tiền do Công ty Minh Tiến giao và hai bên tiếp tục duy trì hợp đồng.

Ngày 23/12/1999 Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có quyết định số 7216/QĐ-UB phê duyệt kinh phí đền bù. Với tổng số tiền phải đền bù là: 1.911.401.043đ. Khi có quyết định phê duyệt kinh phí đền bù, Công ty khoáng sản đã có công văn yêu cầu Công ty Minh Tiến chuyển tiền để Công ty khoáng sản đền bù cho dân, nhưng Công ty Minh Tiến vẫn không thực hiện việc chuyển tiền cho Công ty khoáng sản theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Thực chất Công ty Minh Tiến không có khả năng về tài chính, cho nên cố tình kéo dài và đòi được bồi thường chia nhỏ từng giai đoạn, không chuyển tiền cho Công ty khoáng sản để đền bù cho dân theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 17/7/2000 Công ty khoáng sản có công văn số 99/CV gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Ủy ban nhân dân huyện Long Đất xin đền bù từng giai đoạn. Ủy ban nhân dân huyện Long Đất có công văn số 433/CV không đồng ý đền bù từng giai đoạn mà yêu cầu phải đền bù theo đúng Quyết định số 7216/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và phải xong trước ngày 20/8/2000.

Theo quy định của Điều 39 Luật khoáng sản công bố ngày 03/4/1996: Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau:

“1. Sau 12 tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản chưa bắt đầu việc xây dựng cơ bản mỏ mà không có lý do chính đáng...

3. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản vi phạm một trong các quy định tại Điều 33 của Luật này mà không khắc phục trong thời hạn do Chính phủ quy định kể từ ngày cơ quan quản lý Nhà nước về khoáng sản đã có văn bản thông báo”.

Điều 33 Luật khoáng sản quy định: nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản như sau:

“Tổ chức cá nhân được phép khai thác khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây”...

6. Thực hiện các nghĩa vụ về đảm bảo quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này;

7. Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra...”

Từ những lý do trên, Công ty khoáng sản đã phải tự bỏ tiền ra để thực hiện việc đền bù xong, khi biết Công ty khoáng sản đang thực hiện việc đền bù, Công ty Minh Tiến có

công văn số 13/CV ngày 28/7/2000 yêu cầu Công ty khoáng sản ngừng ngay việc làm đơn phương nói trên.

Về phía Công ty Minh Tiến trong suốt khoảng thời gian từ tháng 2 đến tháng 5-2000 đã có nhiều văn bản gửi xin ý kiến quân sự về mặt quốc phòng đối với khu vực mỏ Núi Thom, đứng tên cùng 6 Doanh nghiệp khác kiến nghị với các Ban ngành chức năng trong tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho rằng hợp đồng kinh tế đã ký với Công ty khoáng sản trong việc hợp tác khai thác mỏ là bất công và đề nghị xem xét cấp lại giấy phép khai thác mỏ cho Công ty Minh Tiến, rõ ràng Công ty Minh Tiến đã thể hiện không có tinh thần hợp tác với Công ty khoáng sản, không khắc phục trong giai đoạn khó khăn ban đầu. Từ những việc làm đã thể hiện Công ty Minh Tiến không thực hiện hợp đồng đã ký.

Như vậy, Công ty Minh Tiến đã liên tiếp và cố tình vi phạm hợp đồng kinh tế. Cụ thể vi phạm mục 1, 2 Điều 3 hợp đồng kinh tế số 10B ngày 26/06/1997 và mục b Điều IV của hợp đồng kinh tế số 02 ký ngày 27/01/1999.

Do Công ty Minh Tiến có những vi phạm các điều khoản chủ yếu của 02 hợp đồng kinh tế trên, nên ngày 07/8/2000 Công ty khoáng sản Vinaconex có văn bản số 121/CV-KS thông báo chấm dứt hợp đồng số 10B/HĐKT ngày 26/06/1997 và hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/1998 ngày 27/01/1999 là có cơ sở.

Tuy nhiên, sau khi Ủy ban nhân dân huyện Long Đất có văn bản số 433/UB ngày 20/7/2000 không nhất trí đền bù từng giai đoạn, mà phải đền bù xong trước ngày 20/8/2000. Lẽ ra khi có văn bản này Công ty khoáng sản phải thông báo cho Công ty Minh Tiến biết để Công ty Minh Tiến thực hiện nghĩa vụ của mình. Nếu Công ty Minh Tiến vẫn cố tình không thực hiện việc chuyển tiền đền bù cho Công ty khoáng sản để thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì Công ty khoáng sản tuyên bố chấm dứt hợp đồng với Công ty Minh Tiến là phù hợp. Nhưng Công ty khoáng sản không thông báo cho Công ty Minh Tiến biết nội dung đó mà tự thực hiện việc đền bù (phần việc này của Công ty Minh Tiến) là có phần thiếu sót của Công ty khoáng sản. Hợp đồng kinh tế ký kết giữa hai bên mới ở giai đoạn đền bù khu vực mỏ, chưa đi vào khai thác, chưa có doanh thu và không có thiệt hại thực tế về vật chất nên không có cơ sở phạt vi phạm hợp đồng đối với Công ty khoáng sản. Nhưng Công ty khoáng sản phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty khoáng sản Minh Tiến các khoản tiền đã đầu tư.

- Chi phí đo vẽ bản đồ mỏ tỷ lệ 1/100: 18.167.298đ
- Chi phí cho thiết kế mỏ số tiền: 54.545.455đ
- Chi để đền bù giải tỏa: 10.000.000đ (BL 10; 71; 110; 180) và số tiền 121.330.143đ Công ty cổ phần Khoáng sản Minh Tiến đã đầu tư theo biên bản đối chiếu giữa hai bên ngày 15/03/2000.

Tổng cộng các khoản là: 204.052.887đ

Tại bản án kinh tế sơ thẩm số 02/KTST ngày 27/12/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chấp nhận một phần yêu cầu Công ty Minh Tiến, phạt 2% giá trị hợp đồng kinh tế: Buộc Công ty khoáng sản trả cho Công ty Minh Tiến số tiền: 2.928.522.000 đồng và tại bản án kinh tế phúc thẩm số 44/KTPT ngày 09/6/2005 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của Công ty Minh Tiến, nâng mức phạt vi phạm hợp đồng kinh tế lên 3%. Buộc Công ty khoáng sản trả cho Công ty Minh Tiến số tiền 4.290.762.896đ là không có căn cứ. Vì Công ty khoáng sản cũng có một phần lỗi, nhưng lỗi này đều bắt nguồn từ Công ty Minh Tiến.

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm tính giá trị hợp đồng bị vi phạm lại căn cứ vào dự toán 20 năm khai thác để phạt Công ty Khoáng sản là không có căn cứ. Vì trong quá trình khai thác rủi ro có thể phát sinh như: không đạt được trữ lượng như dự toán, giá cả biến động hoặc có thể bị lỗ. Đây là hợp đồng kinh doanh hai bên bỏ tiền, vật tư ra để cùng nhau đầu tư cho tới lúc khai thác ra quặng (sản phẩm).

Cụ thể là: Công ty Minh Tiến mới bỏ ra 204.052.887 đồng để làm các thủ tục xin cấp phép; Công ty khoáng sản bỏ ra: 1.911.404.034 đồng để giải phóng mặt bằng. Trong trường hợp này nếu có xác định giá trị hợp đồng để phạt thì phải xác định giá trị đầu tư mới đúng.

- Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng: hủy bản án số 02/KTST ngày 27/12/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và bản án kinh tế phúc thẩm số 44/KTPT ngày 09/6/2005 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo hướng phân tích trên.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị nêu trên.

XÉT THẤY:

Hợp đồng kinh tế số 02/JHĐKT/98 ngày 27/01/1999 giữa Công ty khoáng sản và Công ty Minh Tiến là hợp đồng hợp tác kinh doanh, lẽ ra hai bên phải hợp tác chặt chẽ với nhau để đi vào đầu tư, sản xuất ổn định, nhưng Công ty Minh Tiến lại có nhiều đơn khiếu nại gửi nhiều nơi cho rằng hợp đồng với Công ty khoáng sản là bất bình đẳng, yêu cầu hủy bỏ giấy phép khai thác đã cấp cho Công ty khoáng sản, đề nghị được xét lại cấp giấy phép khai thác mỏ cho mình. Như vậy, về mặt chủ quan Công ty Minh Tiến để thể hiện ý chí của mình là không thực hiện hợp đồng với Công ty khoáng sản.

Ngày 23/12/1999 Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có quyết định số 7216/QĐ-UB phê duyệt kinh phí đền bù cho các hộ dân bị thu hồi đất là 1.911.401.043 đồng; ngày 03/4/2000 Công ty khoáng sản có công văn số 35/CVKS gửi Công ty Minh Tiến yêu cầu chuyển vào tài khoản của Công ty Khoáng sản toàn bộ số tiền đền bù trước ngày 10-4-2000 để Công ty khoáng sản thực hiện việc đền bù; nhưng Công ty Minh Tiến không thực hiện; ngược lại Công ty Minh Tiến có nhiều đơn khiếu nại và tố cáo Công ty khoáng sản; đề nghị thanh tra tài chính đối với Công ty Khoáng sản. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa 2 bên rất gay gắt, ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã tổ chức nhiều cuộc họp với các bên nhưng không giải quyết được.

Ngày 20-7-2000 Ủy ban nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có công văn số 433/UB-VP yêu cầu Công ty khoáng sản phải chi trả tiền đền bù giải tỏa và mở đường vào mỏ trước ngày 20-8-2000; lẽ ra khi nhận được công văn này Công ty Khoáng sản phải có văn bản yêu cầu Công ty Minh Tiến có biện pháp giải quyết hoặc thanh lý chấm dứt hợp đồng, nhưng Công ty Khoáng sản không thông báo cho Công ty Minh Tiến, mà tự mình thực hiện việc đền bù cho dân để giải phóng mặt bằng; đồng thời ngày 7-8-2000 Công ty Khoáng sản có công văn số 121/CV-KS gửi Công ty Minh Tiến thông báo chấm dứt hợp đồng và yêu cầu xử lý các vi phạm nghiêm trọng hợp đồng kinh tế do Công ty Minh Tiến gây ra; như vậy là Công ty Khoáng sản cũng có lỗi. Nhưng lỗi của Công ty Khoáng sản được bắt nguồn từ lỗi mà Công ty Minh Tiến gây ra.

Với tình hình như nêu trên thì thấy cả 2 bên đều có lỗi, nhưng lỗi của Công ty Minh Tiến nhiều hơn.

Tại Khoản 4 Điều 40 Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế quy định: "bên vi phạm hợp đồng kinh tế được xét giảm hoặc miễn hoàn toàn trách nhiệm tài sản trong trường hợp việc vi phạm hợp đồng kinh tế của một bên là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự vi phạm hợp đồng của bên kia", vì vậy, cần phải phạt Công ty Khoáng sản 3% giá trị hợp đồng là phù hợp.

Về xác định giá trị hợp đồng, đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh, theo đó Công ty Minh Tiến phải đóng góp toàn bộ tiền và trang thiết bị máy móc để đầu tư vào xây dựng mỏ trước khi đi vào khai thác ra sản phẩm là đá Puzzolan, nhưng mới triển khai đến công đoạn đền bù giải tỏa mặt bằng thì đã xảy ra tranh chấp, phần đầu tư xây dựng cơ bản chưa xong, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm lại xác định giá trị của hợp đồng là số sản phẩm dự kiến sẽ xuất ra trong 20 năm là sai lầm nghiêm trọng.

Trong trường hợp này xác định giá trị của hợp đồng để làm căn cứ phạt vi phạm cần phải tính toàn bộ chi phí để xây dựng xong mỏ đá trước khi đi vào khai thác; do trong hợp đồng các bên không xác định rõ giá trị của hợp đồng. Vì vậy, cần phải căn cứ vào quyết định số 1040/QĐ-UB ngày 7-8-1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc

phê duyệt dự án đầu tư, khai thác mỏ Puzzolan tại núi Thơm, huyện Long Đất với tổng mức vốn đầu tư là 8.329.000.000 đồng là giá trị của hợp đồng.

Bởi các lẽ trên và căn cứ vào khoản 3 Điều 291; khoản 3 Điều 297 và khoản 2 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy bản án kinh tế phúc thẩm số 44/KTPT ngày 9-6-2005 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thành phố Hồ Chí Minh, giao hồ sơ vụ án cho tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

-Lý do hủy bản án phúc thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã xác định sai giá trị của hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa các bên dẫn đến quyết định không chính xác về mức tiền phạt vi phạm hợp đồng.

-Nguyên nhân dẫn đến việc hủy bản án phúc thẩm:

Thiếu sót trong việc xem xét và đánh giá chứng cứ.